TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Thị M - sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Danh T (tên gọi khác Cường) - sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị M trình bày: Tôi và anh Danh T không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên đến năm 2006, chúng tôi được cha mẹ tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 24/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, chồng tôi không lo cho vợ con, không lo làm ăn mà bỏ nhà đi, tôi có kêu anh T về nhưng anh không về nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay, xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Danh Hoài L - sinh ngày 14/12/2006. Hiện nay, cháu L đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Danh Hoài Linh - sinh ngày 14/12/2006 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như tôi đã trình bày ở trên, tôi không có yêu cầu gì thêm.

Đối với anh Danh T trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo tống đạt đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị M được ly hôn với anh Danh T. Về con chung: Giao cháu Danh Hoài L - sinh ngày 14/12/2006 cho chị M được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Thị M và anh Danh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Danh T được Tòa án thông báo tìm kiếm anh trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị M và anh Danh T kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 24/4/2006. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn anh chị không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối. Vì vậy, khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Chị M cho rằng do tính tình không hợp nhau, chồng

tôi không lo cho vợ con, không lo làm ăn mà bỏ nhà đi, chị có kêu anh T về nhưng anh không về nên anh chị đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì hiện nay anh T đã bỏ địa phương đi từ tháng 3/2020 đến nay nhưng không biết đi đâu. Ngày 11/8/2021 và ngày 27/8/2021 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2006 đến nay và anh T đã bỏ phương đi, mặc dù chị M tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không biết anh T ở đâu. Tại phiên tòa, chị M tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương anh T và cương quyết xin ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Đối với anh Danh T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà anh T tống đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho anh T trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh T. Từ đó, cho thấy anh T đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị M. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt anh T theo qui định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Thị M xác định chị và anh Danh T có 01 người con chung tên Danh Hoài L - sinh ngày 14/12/2006, hiện nay cháu L đang sống với chị M nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét về yêu cầu nuôi con của chị M thấy rằng: Chị và anh T đã ly thân từ năm 2006 đến nay thì chị M một mình nuôi dưỡng cháu Linh và cháu Linh cũng phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đồng thời, cháu Linh cũng có nguyện vọng muốn sống với chị M. Do đó, yêu cầu nuôi con của chị M là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Danh T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị M xác định chị và anh Danh T không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị M phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002846, ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị

Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chị Thị M tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị M được ly hôn với anh Danh T.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Hoài L - sinh ngày 14/12/2006 cho chị Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Danh T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX Miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị M phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002846, ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chị Thị M tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 30/9/2021. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Đ;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh